

Số: 2990/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2731/TTr-SNN ngày 24/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

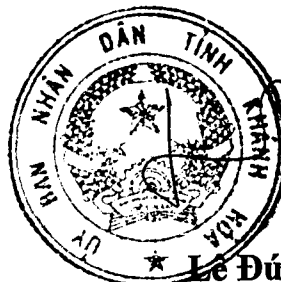
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính (có Danh mục kèm theo) tại Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 30/06/2009, Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 và Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT.HĐND tỉnh; Ban PC HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng KSTTHC, HTh, DL. 27

CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 05 Tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy lợi				
1	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt). (BNN-KHA-288353)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	- Luật Thủy lợi; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn				
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh. (BNN-KHA-287776)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

					<p>- Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.</p>
3	<p>Bố trí ổn định dân cư trong huyện. (BNN-KHA-287777)</p>	<p>30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.</p>
4	<p>Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. (BNN-KHA-287778)</p>	<p>13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại; - Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.</p>

5	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại. (BNN-KHA-287780)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	<p>- Thông tư số 27/2011/TT-BNNPNTNT ngày 13/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;</p> <p>- Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.</p>
6	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại. (BNN-KHA-287786)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<p>- Thông tư số 27/2011/TT-BNNPNTNT ngày 13/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;</p> <p>- Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.</p>
III Lĩnh vực Lâm nghiệp					
7	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	<p>- Thông tư số 58/2009/TT-BNNPNTNT ngày 09/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPNTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ</p>

	các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn. (BNN-KHA-287691)				<p>một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010;</p> <p>- Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
8	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên diện tích đất rừng tự nhiên chuyên sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư thôn. (BNN-KHA-287692)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	<p>- Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010;</p> <p>- Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
9	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi động vật rừng thông	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan Kiểm lâm sở tại.	Không	<p>- Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông</p>

	<p>thường vì mục đích thương mại. (BNN-KHA-287763)</p>			<p>thường; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
<p>10</p>	<p>Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thương vì mục đích thương mại. (BNN-KHA-287764)</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Cơ quan Kiểm lâm sở tại.</p>	<p>Không</p> <p>- Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thương; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và</p>

					Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
11	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường. (BNN-KHA-287765)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan Kiểm lâm sở tại.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
12	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số

	<p>thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện. (BNN-KHA-287716)</p>			<p>57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
<p>13</p> <p>Đóng dấu búa kiểm lâm. (BNN-KHA-287727)</p>	<p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Hạt Kiểm lâm cấp huyện.</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ; - Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành quy chế quản lý và đóng dấu búa bài cây, búa kiểm lâm; - Quyết định số 107/2007/QĐ-BNN ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và đóng dấu búa bài cây, búa kiểm lâm;</p>

					<p>- Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
14	Cấp giấy phép vận chuyển gấu. (BNN-KHA-287728)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	Không	<p>- Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi;</p> <p>- Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
15	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước của tổ chức xuất ra; lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước của tổ chức, cá nhân	<p>- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh).</p> <p>- Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh)</p>	Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	Không	<p>- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;</p> <p>- Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT về quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;</p> <p>- Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành</p>

<p>xuất ra; động vật rừng gây nuôi trong nước và bộ phận dẫn xuất của chúng của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p>	<p>về nguồn gốc lâm sản).</p>			<p>chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
---	-----------------------------------	--	--	---

16	(BNN-KHA-287729) Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu. (BNN-KHA-287730)	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ). 	Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở những địa phương không có Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
17	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân. (BNN-KHA-287713)	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - UBND cấp xã tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị giao rừng: 10 ngày làm việc;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số: 38/2007/TT-BNN, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành

					<p>chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
18	<p>Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn. (BNN-KHA-288275)</p>	<p>36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - UBND cấp xã tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị giao rừng: 10 ngày làm việc; - UBND cấp</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số: 38/2007/TT-BNN, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính</p>

19	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân. (BNN-KHA-287715)	huyện thẩm định và xác định hiện trạng rừng, quyết định giao rừng: 23 ngày làm việc; - Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa: 03 ngày làm việc. 36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - UBND cấp xã tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị cho thuê rừng: 10 ngày làm việc; - UBND cấp huyện thẩm	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	thay thế, bị thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
					<p>- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số: 38/2007/TT-BNN, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN;</p> <p>- Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ</p>

				thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
20	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới). (BNN-KHA-287762)	định và xác định hiện trạng rừng, quyết định cho thuê rừng: 23 ngày làm việc; - Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa: 03 ngày làm việc.	Cơ quan Kiểm lâm sở tại.	Không
		- Tiếp nhận hồ sơ và chứng nhận: Cơ quan Kiểm lâm sở tại trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải tổ chức xác minh và cấp giấy chứng		- Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số: 38/2007/TT-BNN, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày

21	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch của xã, Ủy ban nhân	<p>nhận trại nuôi đồng thời lập sổ theo dõi. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sơ tại phải thông báo bằng văn bản lý do cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.</p> <p>- Trả kết quả: trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận trại nuôi được cấp, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả cho tổ chức được cấp.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
						<p>- Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản;</p> <p>- Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày</p>

<p>đổi với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn. (BNN-KHA-287986)</p>	<p>dân cấp huyện cấp phép khai thác cho từng chủ rừng và gửi kết quả về Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp, không cấp phép phải gửi văn bản nêu lý do không cấp phép.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả cấp giấy phép hoặc văn bản không cấp của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thông báo và gửi giấy phép khai thác cho các chủ rừng biết, thực hiện.</p>		<p>25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
--	--	--	---

22	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng. (BNN-KHA-287987)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
23	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn. (BNN-KHA-287988)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
24	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công năm 2014; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát

	<p>(đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư). (BNN-KHA-288289)</p>	hợp lệ.	cấp huyện.		<p>triển rừng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn số nội dung quản lý công trình lâm sinh; - Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
25	<p>Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư). (BNN-KHA-288291)</p>	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn số nội dung quản lý công trình lâm sinh; - Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế,

26	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân. (BNN-KHA-288281)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ.	không	bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
27	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn. (BNN-KHA-288282)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ.	Không	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
28	Khoán công việc và	Không quy định.	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý	không	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các

	dịch vụ. (BNN-KHA-288283)		rừng phòng hộ		Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
IV	Lĩnh vực Thủy sản				
29	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản. (BNN-KHA-288229)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	20.000 đồng	- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản Hướng dẫn thực hiện

Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản;

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;

- Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 05/2014/QĐ-UNND ngày 10/2/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định Quản lý hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân cấp quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

30	<p>Cấp giấy phép khai thác thủy sản. (BNN-KHA-288230)</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.</p>	<p>40.000 đồng</p>	<p>- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản; - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012</p>
----	---	---	---	--------------------	---

					<p>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 05/2014QĐ-UNND ngày 10/2/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định Quản lý hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; - Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân cấp quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
31	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản. (BNN-KHA-288234)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	20.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh

					<p>một số ngành nghề thủy sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản; - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản; - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 05/2014/QĐ-UNND ngày 10/2/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định Quản lý hoạt động khai thác
--	--	--	--	--	---

						thủy sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; - Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân cấp quản lý tàu cá tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
--	--	--	--	--	--	---

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số hồ sơ	Quyết định công bố
1	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.	T-KHA-096379-TT	Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 30/06/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại.	T-KHA-096476-TT	
3	Cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV	T-KHA-096558-TT	
4	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV.	T-KHA-096569-TT	
5	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV.	T-KHA-096580-TT	
6	Cấp đổi giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV.	T-KHA-096586-TT	
7	Cấp phép khai thác tận dụng rừng, gỗ tận thu trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	T-KHA-096594-TT	
8	Cấp phép khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	T-KHA-265723-TT	
9	Cấp phép khai thác rừng trồng, vườn rừng, rừng tự	T-KHA-096600-TT	



	nhiên khoán nuôi tái sinh của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn bằng nguồn vốn viện trợ, vốn ngân sách nhà nước.		
10	Cấp phép khai thác gỗ, lâm sản trong rừng phòng hộ cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	T-KHA-096602-TT	
11	Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới.	T-KHA-265658-TT	Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.
12	Bổ trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh.	T-KHA-265659-TT	Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.
13	Bổ trí ổn định dân cư trong huyện.	T-KHA-265661-TT	